TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 17/01/2025
V/v: "tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Ngô Thị Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp di sản thừa kế; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐST-DS ngày 13/8/2024; Các quyết định hoãn, tạm ngừng phiên toà, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1962 (có mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: TDP Dục Quang, phường Bích Động, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 181, TDP Nếnh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

3. Ông Nguyễn H3, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 3, ngách 189/61, thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội

4. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Quảng Mô, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thủy trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Thị L sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn H3 và Nguyễn Thị H4. Cụ Trọng chết năm 2011, cụ Lan chết năm 2018 đều không để lại di chúc và có để lại di sản gồm:

1. Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 5 thôn Tân Văn 3, Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang gồm các thửa:

+ Thửa số 12, diện tích 207,8m^2;

+ Thửa số 13, diện tích 275,6m^2;

+ Thửa số 17, diện tích 324,6m^2;

+ Thửa số 27, diện tích 843,2m^2;

+ Thửa số 120, diện tích 2.548,1m^2;

+ Thửa số 19, diện tích 527m^2.

Ngoài diện tích đất thuộc các thửa nêu trên, còn có một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt hàng ngày và cây cối lâm lộc trên đất khác.

Năm 2019, ông khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trọng và cụ Lan.

Tại bản án số 21/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã giao cho ông diện tích 688,7m^2 đất rừng sản xuất tại thửa số 120, tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Tân Văn 3, Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Bản án có hiệu lực pháp luật nhưng khi thi hành án thì vướng mắc các cây cối lâm lộc của ông S trên đất và một số di sản chưa chia nên không thi hành được.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Chia thừa kế các tài sản của cụ Trọng và cụ Lan: 43m^2 tường xây cay vôi dày 130mm trị giá 365.500đ; 02 trụ cổng xây gạch ống 1,225m^3 trị giá 240.600đ; 01 bức tường xây gạch chỉ dày 110mm diện tích 11,5m^2 trị giá 741.800đ; 6m^2 cánh cổng sắt trị giá 954.000đ; 52,5m^2 cổng lát gạch lá nem trị giá 753.000đ; 3,75m^2 mái Proximang trên cổng trị giá 28.100đ; miếng bê tông cốt thép phía trên cổng 0,075m^3 trị giá 45.000đ. Tổng giá trị di sản theo kết quả định giá tài sản của Toà án ngày ….. là 3.128.000đ.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc S phải di rời toàn bộ cây cối lâm lộc trong phạm vi diện tích 688,7m^2 đất thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5, thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh theo kết quả thẩm định của Chi cục THADS huyện Lạng Giang gồm: có 03 cây mít (đường kính gốc từ 19 - 25 cm); 10 cây mít (đường kính gốc từ 15 - 19 cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 9 - 12 cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 3 – 7 cm); 24 cây mít (đường kính gốc từ 1 – 1,5 cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 1,5 - 3 cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 29 - 32 cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 12 - 15 cm); 07 cây bưởi (đường kính gốc từ 1 - 2 cm); 01 cây vải (đường kính tán từ 3 - 4 m); 01 cây nhãn (đường kính tán từ 1,5 - 2 m); 02 cây Ổi; 08 cây Sưa nhỏ, chiều cao từ 1 – 2m; 01 cây Sim

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Ngọc S. Tuy nhiên ông S không đến Toà án để làm việc, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Toà án kết hợp với chính quyền địa pH2 đến nhà ghi lời khai nhưng ông S không hợp tác, chửi đuổi cán bộ Toà án, từ chối làm việc và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do.

Bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 ông Nguyễn H3 đều xác định di sản của bố mẹ đã cho ông Nguyễn Ngọc S theo di chúc. Nếu phải chia thừa kế thì phần di sản được hưởng tặng cho ông S và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị H4 từ chối nhận di sản, từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Th đề nghị Toà án được nhận di sản là các bất động sản gắn liền với đất và đồng ý trích trả cho các đồng thừa kế khác bằng tiền nếu có yêu cầu. Không đồng ý nhận cây cối lâm lộc và thanh toán giá trị bằng tiền cho ông S, đề nghị Toà án buộc ông S di dời toàn bộ cây cối ra khỏi diện tích 688,7m^2 đất rừng sản xuất tại thửa số 120, tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Tân Văn 3, Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và các đương sự khác từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

+ Giao cho ông Th được quyền sở hữu 43m^2 tường xây cay vôi dày 130mm; 02 trụ cổng xây gạch ống 1,225m^3; 01 bức tường xây gạch chỉ dày 110mm diện tích 11,5m^2; 6m^2 cánh cổng sắt; 52,5m^2 cổng lát gạch lá nem; 3,75m^2 mái Proximang trên cổng; miếng bê tông cốt thép phía trên cổng 0,075m^3. Các tài sản nằm trên diện tích 688,7m^2 đất rừng thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5, thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang có tổng trị giá là 3.128.000đ. Bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn H3 có quyền khởi kiện yêu cầu trích chia di sản bằng vụ án khác.

+ Buộc ông Nguyễn Ngọc S phải di rời toàn bộ cây cối lâm lộc trên diện 688,7m^2 đất rừng sản xuất tại thửa số 120, tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Tân Văn 3, Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H4, ông Nguyễn H3 có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của Nguyễn Ngọc Tr (chết năm 2011) cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2018), đây là "tranh chấp về thừa kế tài sản" quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cư trú tại huyện Lạng Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Ngọc Tr chết năm 2011, cụ Nguyễn Thị L chết năm 2018 không để lại di chúc. Năm 2024, ông Th khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 688, Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về hàng thừa kế, diện thừa kế: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định cụ Trọng và cụ Lan sinh được 06 người con gồm: bà H1, ông Th, bà H2, ông S, ông H3 và bà H4. Ngoài ra không có con nuôi hoặc con riêng nào khác, không ai bị tước quyền hưởng di sản. Chị Nguyễn Thị H4 từ chối nhận di sản. Do đó xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tr, cụ L gồm 05 người là bà H1, ông Th, bà H2, ông S, ông H.

[6].Về yêu cầu chia di sản:

Theo bản án số 21/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang thì ông Th được quyền sử dụng 688,7m^2 đất rừng thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5, thuộc thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì trên diện tích đất nêu trên có các tài sản gắn liền với đất sau: 43m^2 tường xây cay vôi dày 130mm trị giá 365.500đ; 02 trụ cổng xây gạch ống 1,225m^3 trị giá 240.600đ; 01 bức tường xây gạch chỉ dày 110mm diện tích 11,5m^2 trị giá 741.800đ; 6m^2 cánh cổng sắt trị giá 954.000đ; 52,5m^2 cổng lát gạch lá nem trị giá 753.000đ; 3,75m^2 mái Proximang trên cổng trị giá 28.100đ; miếng bê tông cốt thép phía trên cổng 0,075m^3 trị giá 45.000đ. Tổng giá trị các tài sản nằm trên diện tích 688,7m^2 đất rừng thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5 là 3.128.000đ.

Đây là các di sản chưa được gải quyết trong bản án số 21/2022/DS-ST ngày 06/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế đối với các tài sản nêu trên theo pháp luật.

Các di sản là bất động sản gắn liền với diện tích đất ông Th được chia nên HĐXX giao cho ông Th các tài sản này nhưng ông Th có trách nhiệm trích trả bằng tiền cho những người thừa kế khác khi có yêu cầu, mỗi kỷ phần thừa kế là 3.128.000đ : 5 = 625.600đ.

Do bà H1, bà H2, anh H3 cho ông S chưa có yêu cầu gì nên HĐXX không giải quyết mà tạm giao các kỷ phần thừa kế cho ông Th quản lý. Các đương sự có thể khởi kiện ông Th trích trả kỷ phần thừa kế bằng vụ án khác.

[7]. Về yêu cầu di rời toàn bộ cây.

Trên diện tích 688,7m^2 ông Th được chia có 03 cây mít (đường kính gốc từ 19-25cm); 10 cây mít (đường kính gốc từ 15-19cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 9-12cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 3-7cm); 24 cây mít (đường kính gốc từ 1-

1,5cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 1,5-3cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 29-32cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 12-15cm); 07 cây bưởi (đường kính gốc từ 1-2cm); 01 cây vải (đường kính tán từ 3-4m); 01 cây nhãn (đường kính tán từ 1,5-2m); 02 cây Ổi; 08 cây Sưa nhỏ, chiều cao từ 1-2m; 01 cây Sim. Toàn bộ số cây trên là do ông S trồng và đang quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông S không hợp tác làm việc, không khai báo nên không có căn cứ để giao cho ông Th số cây trên và buộc ông Th trả tiền trị giá của cây cho ông S. Vì vậy HĐXX buộc ông S phải di rời toàn bộ số cây trên ra khỏi diện tích 688,7 m2 đất rừng sản xuất tại thửa số 120, tờ bản đồ số 5 thuộc thôn Tân Văn 3, Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí hết 3.000.000đ. Số tiền này ông Th đã nộp và thanh toán xong. Tại phiên toà, ông Th nhận chịu cả số tiền này, không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8]. Về án phí: Ông Th phải chịu tiền án phí đối với phần di sản được hưởng, ông S phải chịu án phí đối với phần buộc di rời cây.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 636, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng các Điều 357, 468, Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

1. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Ngọc Tr, cụ Nguyễn Thị L.

Giao cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sở hữu 43m^2 tường xây cay vôi dày 130mm; 02 trụ cổng xây gạch ống 1,225m^3; 01 bức tường xây gạch chỉ dày 110mm diện tích 11,5m^2; 6m^2 cánh cổng sắt; 52,5m^2 cổng lát gạch lá nem; 3,75m^2 mái Proximang trên cổng; 0,075m^3 bê tông cốt thép phía trên cổng. Các tài sản trên nằm trên diện tích 688,7m^2 đất rừng thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5, thôn Tân Văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Tổng giá trị các di sản nêu là 3.128.000đ, mỗi kỷ phần thừa kế là 625.600đ.

Bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Ngọc S, ông Nguyễn H3 có quyền khởi kiện yêu cầu ông Th trích chia di sản bằng vụ án khác.

2. Buộc ông Nguyễn Văn S phải di rời 03 cây mít (đường kính gốc từ 19-25cm); 10 cây mít (đường kính gốc từ 15-19cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 9-12cm); 22 cây mít (đường kính gốc từ 3-7cm); 24 cây mít (đường kính gốc từ 1-

1,5cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 1,5-3cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 29-32cm); 01 cây sấu (đường kính gốc từ 12-15cm); 07 cây bưởi (đường kính gốc từ 1-2cm); 01 cây vải (đường kính tán từ 3-4m); 01 cây nhãn (đường kính tán từ 1,5-2 m); 02 cây Ổi; 08 cây Sưa nhỏ, chiều cao từ 1-2m; 01 cây Sim ra khỏi diện tích 688,7m^2 đất rừng thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 5, thôn Tân văn 3, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 460.000đồng tạm ứng án phí y đã nộp theo biên lai thu số 0007395 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả ông Th 160.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ